

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2007/QĐ-UBND

*Quy Nhơn, ngày 24 tháng 8 năm 2007***QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Quy định về một số chính sách phát triển  
khoa học, công nghệ và nhân lực có trình độ****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về một số chính sách phát triển khoa học, công nghệ và nhân lực có trình độ cao.**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế các Quyết định số 154/2002/QĐ-UB ngày 30 tháng 10 năm 2002 quy định về một số biện pháp khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ và thu hút nhân lực có trình độ cao và Quyết định số 156/2002/QĐ-UB ngày 30 tháng 10 năm 2002 v/v Quy định hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được cấp các chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng, môi trường, an toàn thực phẩm và sức khỏe nghề nghiệp của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Tài chính, Giáo dục - Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

**Vũ Hoàng Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH**  
**VỀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN**  
**KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ NHÂN LỰC CÓ TRÌNH ĐỘ CAO**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2007/QĐ-UBND*  
*ngày 24/8/2007 của UBND tỉnh)*

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (UBND tỉnh) ban hành Quy định về một số chính sách phát triển khoa học, công nghệ và nhân lực có trình độ cao.

**Chương I**  
**CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh**

1. Cá nhân, tập thể, đơn vị sản xuất - kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế (trừ doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài), cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong tỉnh, trong nước (sau đây gọi tắt là: cá nhân, tổ chức) đều được khuyến khích và hưởng các chính sách ưu đãi của tỉnh khi tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Cá nhân đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, trực tiếp phục vụ các yêu cầu, nhiệm vụ của tỉnh bao gồm: Công an, Quân đội, Kiểm sát, Tòa án, Thi hành án, Kho bạc nhà nước, Hải quan, Thuế, Ngân hàng nhà nước, Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Bình Định, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Thống kê (gọi tắt là thuộc tỉnh chỉ đạo) được hưởng chế độ khuyến khích theo Quy định này.

3. Cá nhân (trừ đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này hoặc do tỉnh cử đi học) có chức danh khoa học, học vị cao, tốt nghiệp đại học loại giỏi (hệ chính quy tập trung), có năng lực thực tiễn hoặc có tay nghề cao phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nếu tự nguyện về tỉnh công tác lâu dài từ 5

năm trở lên và được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tiếp nhận (*theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của UBND tỉnh*).

4. Các chế độ khuyến khích tại Quy định này không thay thế quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## **Điều 2. Nội dung các hoạt động khoa học và công nghệ được khuyến khích phát triển**

1. Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trên địa bàn tỉnh vào việc:

a. Cung cấp luận cứ khoa học phục vụ nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

b. Phát triển giao lưu hàng hóa, phát triển sản xuất hàng xuất khẩu, phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. Cải tiến tổ chức quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh;

c. Nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã sản phẩm và đạt được các giải thưởng về chất lượng;

d. Phát hiện tài nguyên khoáng sản mới, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên;

đ. Xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân;

e. Bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh.

2. Tiến hành các giải pháp nâng cao trình độ công nghệ so với hiện trạng và phù hợp với trình độ phát triển công nghệ chung của cả nước bằng mọi nguồn vốn ở bất kỳ tổ chức kinh tế - xã hội nào tại tỉnh.

3. Chuyển giao hoặc tư vấn chuyển giao công nghệ dưới dạng tài liệu, các đối tượng sở hữu công nghiệp, mô hình thực nghiệm và các khả năng trang bị tiềm lực cho hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

4. Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu đối với: sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý; giống cây trồng cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh.

5. Hỗ trợ cho các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh (*trừ doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp thành viên trực thuộc Tổng Công ty hạch toán toàn ngành*) xây dựng và áp dụng thành

công các tiêu chuẩn quốc tế: về quản lý môi trường ISO 14001; ISO 22000 về an toàn thực phẩm; quản lý chất lượng ISO 9001:2000; phân tích các mối nguy hiểm và kiểm soát tới hạn (*HACCP*); an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (*OHSAS 18000*).

6. Hoạt động nhằm đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ, bồi dưỡng nhân tài và nâng cao dân trí cho mọi tầng lớp nhân dân.

## **Chương II**

### **CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 3. Khuyến khích việc tự huy động vốn để hoạt động khoa học và công nghệ**

Các công trình khoa học và công nghệ đã được tổ chức hoặc cá nhân tiến hành nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả trong thực tiễn sản xuất và đời sống tại tỉnh bằng nguồn vốn tự đầu tư (*ngoài ngân sách đầu tư cho khoa học và công nghệ*), được đề xuất UBND tỉnh:

1. Hỗ trợ một phần kinh phí đã tự đầu tư với mức tối đa 50% đối với các đề tài nghiên cứu triển khai, 30% đối với dự án sản xuất thử nghiệm và thực hiện như được ngân sách nhà nước đầu tư theo quy định hiện hành.

2. Cho vay ưu đãi từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, các nguồn vốn khác hoặc hỗ trợ vốn trong kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh để triển khai nhân rộng mô hình.

3. Xem xét khen thưởng theo Quy chế giải thưởng Quang Trung về Khoa học và Công nghệ.

#### **Điều 4. Chế độ khuyến khích phát triển nhân lực có trình độ cao**

1. Cá nhân đang làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý (*kể cả các doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước chiếm trên 50%*), sau khi được cấp bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ, chuyên khoa cấp 2, ngoài các chế độ trợ cấp khác, được hưởng chế độ hỗ trợ một lần của tỉnh như sau:

a. Tiến sĩ: 30.000.000 đ (*Ba mươi triệu đồng*);

b. Chuyên khoa cấp 2 (*ngành y, dược*): 20.000.000 đ (*Hai mươi triệu đồng*);

c. Thạc sĩ: 15.000.000 đ (*Mười lăm triệu đồng*);

**d.** Tiến sĩ được đào tạo trực tiếp không qua đào tạo cấp bằng thạc sĩ, được hưởng đồng thời hai chế độ hỗ trợ quy định tại điểm a và c khoản này;

Một cá nhân được cấp hai văn bằng trở lên (*cùng học vị thạc sĩ hoặc chuyên khoa cấp 2, tiến sĩ*) chỉ được hưởng chế độ hỗ trợ đối với một văn bằng.

**2.** Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1, ngoài các chế độ trợ cấp khác, được hưởng chế độ hỗ trợ một lần của tỉnh bằng 50% mức quy định tại khoản 1 Điều này.

**3.** Các đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 1 được hưởng các chế độ trợ cấp ban đầu, các ưu đãi khác và điều kiện về độ tuổi như sau:

- a.** Giáo sư, tiến sĩ khoa học: 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*);
- b.** Phó giáo sư, tiến sĩ: 30.000.000 đ (*Ba mươi triệu đồng*);
- c.** Nghệ nhân, chuyên khoa cấp 2 ngành y, dược: 20.000.000 đ (*Hai mươi triệu đồng*);
- d.** Thạc sĩ: 15.000.000 đ (*Mười lăm triệu đồng*);

**đ.** Trợ cấp hàng tháng: Ngoài chế độ trợ cấp ban đầu quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, được xem xét trợ cấp ngoài lương không quá 7.000.000 đ (*Bảy triệu đồng*)/tháng. Thời hạn và mức trợ cấp do UBND tỉnh quyết định từng trường hợp cụ thể theo đề nghị của cơ quan sử dụng lao động;

**e.** Ưu đãi về ổn định gia đình: Được ưu tiên bố trí chỗ ở không phải trả tiền thuê nhà trong thời gian 5 năm đầu. Riêng đối với giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học nếu có nhu cầu nhận đất ở thì được hỗ trợ tiền bằng 30% so với giá quy định nhưng tối đa không quá 50.000.000 đ (*Năm mươi triệu đồng*), số tiền sử dụng đất còn lại được trả chậm trong thời gian 10 năm; được ưu tiên giải quyết việc làm cho người thân là vợ hoặc chồng và con;

**g.** Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, nghệ nhân không quá 55 tuổi; chuyên khoa cấp 2 ngành y, dược không quá 50 tuổi; thạc sĩ không quá 40 tuổi.

**4.** Đối tượng đại học loại giỏi (*trừ đại học chuyển đổi, loại văn bằng 2*) quy định tại khoản 3 Điều 1 đồng thời đảm bảo các điều kiện: Chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, nghề mà tỉnh có yêu cầu; tuổi không quá 30 tuổi tính đến ngày tiếp nhận công tác, được hưởng chế độ khuyến khích như sau:

- a.** Trợ cấp ban đầu: 10.000.000 đ (*Mười triệu đồng*);

b. Ưu tiên bố trí việc làm phù hợp với năng lực chuyên môn; đồng thời được xem xét đào tạo ở bậc cao hơn và được hưởng chế độ trợ cấp như đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh được cử đi học.

5. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức kinh tế - xã hội sử dụng lao động có trình độ cao vận dụng thực hiện các chế độ hỗ trợ theo quy định này hoặc hỗ trợ thêm về vật chất cho các đối tượng nêu trên theo điều kiện riêng.

6. Chế độ hỗ trợ tại khoản 1 và 2 Điều này không áp dụng đối với đối tượng được cử đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, chuyên khoa ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

7. Đối tượng có chức danh khoa học là Giáo sư, Phó Giáo sư hoặc học vị tiến sĩ tự nguyện về tỉnh (*theo yêu cầu của UBND tỉnh*) chủ trì thực hiện các dự án KH&CN trong lĩnh vực ưu tiên khuyến khích của tỉnh, được đảm bảo đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ làm việc và hưởng lương theo mức thỏa thuận.

#### **Điều 5. Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng**

Các cá nhân, tổ chức được cấp văn bằng bảo hộ quy định tại khoản 4 Điều 2 được hưởng chế độ hỗ trợ một lần với các mức như sau:

1. Sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng: 5.000.000 đ (*Năm triệu đồng*)/văn bằng;

2. Kiểu dáng công nghiệp: 2.000.000 đ (*Hai triệu đồng*)/văn bằng;

3. Nhãn hiệu: 1.000.000 đ (*Một triệu đồng*)/văn bằng;

4. Chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận: Hỗ trợ 100% chi phí xác lập quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm: phí tra cứu thông tin sở hữu công nghiệp; phí và lệ phí; và chi phí hợp lý khác.

#### **Điều 6. Hỗ trợ đào tạo và tư vấn xây dựng, áp dụng thành công các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế, đạt giải thưởng chất lượng Việt Nam**

Các đơn vị sản xuất kinh doanh quy định tại khoản 5 Điều 2, khi được cấp giấy chứng nhận; có thành tích tốt trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm và đạt được giải thưởng chất lượng Việt Nam, được hưởng chế độ hỗ trợ một lần, với các mức như sau:

1. Quản lý môi trường ISO 14001: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)/giấy chứng nhận.

2. Quản lý chất lượng ISO 9001:2000; về an toàn thực phẩm (*ISO 22000*); an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (*OHSAS 18000*); phân tích các mối nguy hiểm và kiểm soát các điểm tới hạn (*HACCP*): 25.0000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*)/giấy chứng nhận.

3. Hàng Việt Nam chất lượng cao (được người tiêu dùng bình chọn) hoặc đạt giải của giải thưởng chất lượng Việt Nam: được UBND tỉnh tặng Bằng khen và thưởng thêm 10.000.000 đ (*Mười triệu đồng*).

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Thủ tục, hồ sơ và quy trình thực hiện**

1. Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này trực tiếp liên hệ với Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký xét khen thưởng hoặc làm thủ tục hưởng các chế độ khuyến khích của tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại Điều 4 gồm có:

a. Giấy cam kết phục vụ công tác tại các cơ quan thuộc tỉnh quản lý, chỉ đạo trong thời hạn ít nhất 5 năm;

b. Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị quản lý hoặc sử dụng lao động;

c. Bản sao (*có chứng thực*) văn bằng, quyết định tuyển dụng, quyết định công nhận chức danh khoa học;

d. Bản luận án hoặc luận văn tốt nghiệp (*trừ đối tượng khoản 3 Điều 1*).

3. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại Điều 5 và Điều 6 gồm có:

a. Văn bản đề nghị (*đối với doanh nghiệp*); Đơn đề nghị, có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương (*đối với cá nhân, đơn vị sản xuất kinh doanh khác*);

b. Bản sao (*có chứng thực*) văn bằng bảo hộ hoặc giấy chứng nhận, quyết định công nhận;

c. Bản sao (*có chứng thực*) các chứng từ tài chính liên quan (*đối với đối tượng khoản 4 Điều 5*).

4. Các đối tượng và chế độ khuyến khích quy định tại Điều 3 được Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành (*do UBND tỉnh ra quyết định thành lập*) tổ

chức đánh giá. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị UBND tỉnh quyết định.

**5.** Các đối tượng và chế độ khuyến khích quy định tại khoản 1 và 2 Điều 4, Điều 5, Điều 6 do Sở Khoa học và Công nghệ thẩm tra hồ sơ và trực tiếp chịu trách nhiệm việc tổ chức thực hiện chính sách. Đối tượng được đề nghị tặng bằng khen của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

**6.** Các đối tượng và chế độ khuyến khích quy định tại khoản 3 và 4 Điều 4 do Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, đề nghị UBND tỉnh quyết định từng trường hợp cụ thể.

### **Điều 8. Trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ quan quản lý và cơ quan sử dụng các đối tượng được khuyến khích**

#### **1. Sở Nội vụ:**

**a.** Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương xác định nhu cầu thu hút nhân lực có trình độ cao về tỉnh công tác, đề nghị UBND tỉnh phê duyệt và xúc tiến các hoạt động thu hút;

**b.** Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, đề xuất bố trí công tác cho các đối tượng thuộc khoản 3 và 4 Điều 4, trình UBND tỉnh quyết định.

#### **2. Sở Khoa học và Công nghệ:**

**a.** Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ đủ điều kiện thụ hưởng chế độ khuyến khích, thẩm định hồ sơ; lưu giữ hồ sơ, chứng từ; phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo yêu cầu của tác giả; hướng dẫn bổ túc hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp cao hơn;

**b.** Tổng hợp, đề xuất Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành nghiệm thu, đánh giá các đối tượng được khuyến khích quy định tại Điều 3 và trình UBND tỉnh xem xét quyết định;

**c.** Được Ủy quyền quyết định và trực tiếp quản lý việc thực hiện chính sách cho các đối tượng quy định tại khoản 1 và 2 Điều 4, Điều 5 và Điều 6;

**d.** Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc thu hồi chế độ hỗ trợ đối với từng trường hợp vi phạm điều kiện được hỗ trợ;

**đ.** Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách phát triển khoa học và công nghệ, giới thiệu trên các phương tiện thông tin kết quả các công trình khoa học và công nghệ, các tập thể và cá nhân được thụ hưởng chính sách của tỉnh;

**e.** Phối hợp với các ngành có liên quan giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện chính sách khuyến khích theo quy định.

### **3. Sở Tài chính:**

**a.** Thẩm tra dự toán chi thường xuyên và bố trí kinh phí thêm trong dự toán chi thường xuyên cho cơ quan sử dụng lao động thực hiện chế độ khuyến khích quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 4;

**b.** Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất chế độ hỗ trợ tiền để ổn định gia đình quy định tại điểm e khoản 3 Điều 4 trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

**4. Sở Tài nguyên và Môi trường:** Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Quy Nhơn thực hiện việc giao đất cát nhà hoặc bố trí chỗ ở cho các đối tượng quy định tại điểm e khoản 3 Điều 4.

### **5. Cơ quan trực tiếp quản lý và sử dụng đối tượng:**

**a.** Tiếp nhận, bố trí công tác phù hợp với chuyên môn, năng lực sở trường và quản lý lao động đối với nhân lực được hưởng các chế độ theo Quy định này;

**b.** Tổ chức áp dụng, nhân rộng, phát huy hiệu quả các công trình khoa học và công nghệ được khen thưởng;

**c.** Chịu trách nhiệm truy thu chế độ khuyến khích nếu đối tượng vi phạm các quy định tại Điều 9.

### **Điều 9. Xử lý vi phạm**

**1.** Đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 4 phải bồi hoàn vật chất 100% các chế độ khuyến khích đã được thụ hưởng nếu vi phạm một trong các quy định sau:

**a.** Về thời gian công tác: Công tác tại tỉnh dưới 5 năm hoặc tự ý chuyển việc làm chưa được sự đồng ý của tỉnh (*thông qua Sở Nội vụ*);

**b.** Bị kỷ luật buộc thôi việc trong thời hạn cam kết.

**2.** Các trường hợp vi phạm quyền tác giả, không trung thực trong báo cáo kết quả công trình khoa học và công nghệ; lập hồ sơ giả bao gồm: Văn bằng, giấy

chứng nhận, chứng từ và các giấy tờ có liên quan khác, phải bồi hoàn vật chất 100% các chế độ được thụ hưởng và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan quản lý, cơ quan sử dụng đối tượng được thụ hưởng các chế độ khuyến khích vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ và các quy định pháp luật khác.

### **Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện các chế độ khen thưởng và khuyến khích.**

1. Các chế độ khen thưởng và hỗ trợ kinh phí quy định tại các Điều 3; khoản 1, 2, điểm a, b, c và d khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 4; Điều 5 và Điều 6 được sử dụng trong kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh.

2. Các chế độ trợ cấp ngoài lương hàng tháng quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 4 được Sở Tài chính bố trí thêm (*ngoài hạn mức chi thường xuyên theo quy định*) trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan sử dụng lao động.

3. Các chi phí quản lý thực hiện chính sách (*thẩm định đối tượng và chế độ khuyến khích; xúc tiến các hoạt động phát triển khoa học, công nghệ và nhân lực có trình độ cao; tổ chức thực hiện chính sách; thông tin tuyên truyền*) do ngân sách chi trong kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh và áp dụng chế độ chi theo quy định hiện hành.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các đối tượng quy định tại Điều 3: Thời điểm công trình khoa học và công nghệ các tác dụng trong thực tiễn sản xuất và đời sống tính từ ngày 30/10/2002 trở đi được đề nghị xem xét khen thưởng hoặc hỗ trợ theo Quy định này.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 4 (*kể cả đối tượng tốt nghiệp đại học chính quy tập trung loại khá, được phong tặng danh hiệu nhà nước*) có thời điểm cấp bằng tốt nghiệp hoặc quyết định tiếp nhận công tác, quyết định khen thưởng từ ngày 30/10/2002 đến trước ngày Quy định này có hiệu lực, được áp dụng các chế độ khuyến khích theo Quy định về một số biện pháp khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ và thu hút nhân lực có trình độ cao, ban hành theo Quyết định số 154/2002/QĐ-UB ngày 30/10/2002 của UBND tỉnh.

3. Các đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 của Điều 4 đã được hưởng chế độ hỗ trợ một lần theo Quyết định số 154/2002/QĐ-UB ngày 30/10/2002 của UBND tỉnh (*quyết định công nhận học vị từ ngày 30/10/2002 đến ngày quyết định này có hiệu lực*) được hưởng thêm chế độ hỗ trợ bổ sung theo Quy định này.

4. Các đối tượng quy định tại Điều 6 có thời điểm được cấp giấy chứng nhận hoặc quyết định công nhận từ ngày 30/10/2002 đến trước ngày Quy định này có hiệu lực, được áp dụng các mức hỗ trợ theo Quyết định số 156/2002/QĐ-UB ngày 30/10/2002 của UBND tỉnh.

### **Điều 12. Trách nhiệm thi hành**

1. Giám đốc các Sở Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh đến Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

**Vũ Hoàng Hà**